

**NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN**  
**TUẦN 4 + 5 – HKII (21/2 – 5/3/2022)**

	<b>TIẾT 81</b>	<b>TIẾT 82</b>	<b>TIẾT 83 + 84 + 85 +86 +87</b>	<b>Tiết 88</b>
<b>TUẦN 4</b>	<i>Bố cục và phương pháp lập luận trong văn nghị luận</i>	<i>- Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh; - Cách làm bài văn lập luận chứng minh</i>	<b>Chủ đề : ĐỌC HIỂU VÀ LÀM VĂN NGHỊ LUẬN CHỨNG MINH</b> <b>Gồm 4 bài :</b> <i>Đức tính giản dị của Bác Hồ Luyện tập lập luận chứng minh Luyện tập viết đoạn văn chứng minh Ý nghĩa văn chương</i>	<b>Thêm trạng ngữ cho câu</b>

+ 5

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :**

1. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước **phần Lý thuyết** của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
2. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành **phần Bài tập** trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

# PHẦN LÝ THUYẾT

## TIẾT 81 : **BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

### I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Biết cách lập bố cục và lập luận trong bài văn nghị luận.
- Hiểu mối quan hệ giữa bố cục và phương pháp lập luận của bài văn nghị luận.

### II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

#### 1. Kiến thức

- Bố cục chung của một bài văn nghị luận.
- Phương pháp lập luận.
- Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận.

#### 2. Kỹ năng:

- Viết bài văn nghị luận có bố cục rõ ràng.
- Sử dụng các phương pháp lập luận.

### III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

#### 1. Tìm hiểu chung

- Bố cục bài văn nghị luận gồm có ba phần :
  - + Mở bài : nêu vấn đề có ý nghĩa đối với đời sống xã hội (luận điểm xuất phát tổng quát)
  - + Thân bài : trình bày nội dung chủ yếu của bài (có thể có nhiều đoạn, mỗi đoạn có một luận điểm phụ)
  - + Kết bài : Nêu kết luận nhằm khẳng định tư tưởng, thái độ, quan điểm của bài.
- Để xác lập luận điểm trong từng phần và mối quan hệ giữa các phần người ta có thể sử dụng phương pháp lập luận khác nhau như : suy luận nhân quả, suy luận tương đồng....

#### 2. Luyện tập

- Viết bài văn nghị luận có bố cục rõ ràng.

---

## TIẾT 82 : **TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Hiểu mục đích, tính chất và các yếu tố của phép lập luận chứng minh.

## II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

### 1. Kiến thức

- Đặc điểm của phép lập luận chứng minh trong bài văn nghị luận.
- Yêu cầu cơ bản về luận điểm, luận cứ của phương pháp lập luận chứng minh.

### 2. Kỹ năng:

- Nhận biết phương pháp lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.
- Phân tích phép lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.

## III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

### 1. Tìm hiểu chung

Trong đời sống, người ta dùng sự thật (chứng cứ xác thực) để chứng tỏ một điều gì đó là đáng tin.

Trong văn nghị luận, chứng minh là một phương pháp lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng xác thực đã được thừa nhận để chứng minh luận điểm mới (cần được chứng minh) là đáng tin cậy.

Các lí lẽ, bằng chứng dùng trong văn chứng minh phải được lựa chọn, thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.

### 2. Luyện tập

- Nhận biết phương pháp lập luận chứng minh trong văn bản nghị luận.

---

## CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

## I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hệ thống hóa những kiến thức cần thiết (về tạo lập văn bản, về văn bản lập luận chứng minh) để việc học cách làm bài văn chứng minh có cơ sở chắc chắn hơn.
- Bước đầu hiểu được cách thức cụ thể trong việc làm một bài văn lập luận chứng minh, những điều cần lưu ý và những lỗi cần tránh trong lúc làm bài.

## II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

### 1. Kiến thức

Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.

### 2. Kỹ năng:

Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh.

## III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

## 1. Tìm hiểu chung

Muốn làm bài văn lập luận chứng minh thì cần phải thực hiện bốn bước : tìm hiểu đề và tìm ý ; lập dàn bài ; viết bài ; đọc bài và sửa chữa.

Dàn bài :

+ Mở bài : Nêu luận điểm cần chứng minh.

+ Thân bài : Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn,

+ Kết bài : Nêu ý nghĩa của luận điểm đã được chứng minh. Chú ý lời văn phần Kết bài nên hô ứng với phần Mở bài.

Giữa các phần và các đoạn văn cần có phương tiện liên kết.

## 2. Luyện tập

Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh.

---

## Tiết 83 – 87 :

### Chủ đề : ĐỌC HIỂU VÀ LÀM VĂN NGHỊ LUẬN CHỨNG MINH

### *ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ*

#### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Thấy được đức tính giản dị là phẩm chất cao quý của Bác Hồ qua đoạn văn nghị luận đặc sắc.

#### II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

##### 1. Kiến thức

- Sơ giản về tác giả Phạm Văn Đồng.
- Đức tính giản dị của Bác Hồ được thể hiện trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và trong sử dụng ngôn ngữ nói, viết hằng ngày.
- Cách nêu dẫn chứng và bình luận, nhận xét; giọng văn sôi nổi nhiệt tình của tác giả.

##### 2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu văn bản nghị luận xã hội.
- Đọc diễn cảm và phân tích nghệ thuật nêu luận điểm và luận chứng trong văn bản nghị luận.

#### III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

## 1. Tìm hiểu chung

Bác Hồ là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người không chỉ mang lại độc lập tự do cho đất nước mà còn là một tấm gương sáng về đạo đức sáng ngời, đặc biệt ở đức tính giản dị.

## 2. Đọc – hiểu văn bản

### a) Nội dung

- Đức tính giản dị của Bác Hồ được thể hiện trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và trong sử dụng ngôn ngữ nói, viết hằng ngày.

### b) Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt nghị luận.

- Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.

### c) Ý nghĩa văn bản

Giản dị là đức tính nổi bật của Bác Hồ : giản dị trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và trong sử dụng ngôn ngữ nói, viết hằng ngày. Ở Bác, sự giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp. Bài văn vừa có chứng cứ cụ thể và nhận xét sâu sắc vừa thấm đượm tình cảm chân thành,

## 3. Rèn luyện thêm

- Đọc thêm văn bản “Hồ Chủ tịch hình ảnh của dân tộc” trong SGK trang 56.

# LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

## I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Khắc sâu những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.
- Vận dụng những hiểu biết đó vào việc làm một bài văn chứng minh cho một nhận định, một ý kiến về một vấn đề xã hội gần gũi, quen thuộc.

## II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

### 1. Kiến thức

Cách làm bài văn lập luận chứng minh cho một nhận định, một ý kiến về một vấn đề xã hội gần gũi, quen thuộc.

### 2. Kỹ năng:

- Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết các phần, đoạn trong bài văn chứng minh.
- Sử dụng câu cầu khiến phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

## III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

HS luyện tập theo hướng dẫn của giáo viên.

# LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN CHỨNG MINH

## I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Củng cố những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.
- Biết vận dụng những hiểu biết đó vào việc viết một đoạn văn chứng minh cụ thể.

## II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

### 1. Kiến thức:

- Phương pháp lập luận chứng minh.
- Yêu cầu đối với một đoạn văn chứng minh.

### 2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng viết đoạn văn chứng minh.

## III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

HS luyện tập theo hướng dẫn của giáo viên.

---

## Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu được quan niệm của nhà văn Hoài Thanh về nguồn gốc, công dụng và ý nghĩa của văn chương trong lịch sử nhân loại.
- Nghệ thuật nghị luận đặc sắc, độc đáo của Hoài Thanh.

### II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

#### 1. Kiến thức

- Sơ giản về nhà văn Hoài Thanh.
- Quan niệm của tác giả về nguồn gốc, ý nghĩa, công dụng của văn chương.
- Luận điểm và cách trình bày luận điểm về một vấn đề văn học trong một văn bản nghị luận của nhà văn Hoài Thanh.

#### 2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu văn bản nghị luận văn học.
- Xác định và phân tích luận điểm được triển khai trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận

## III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

## 1. Tìm hiểu chung

Văn chương có vai trò và công dụng vô cùng quan trọng trong đời sống con người. Văn chương dạy cho ta cách sống, dạy cho ta những tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá tốt đẹp về cuộc sống.

## 2. Đọc – hiểu văn bản

### a) Nội dung

- Quan niệm của tác giả về nguồn gốc, ý nghĩa, công dụng của văn chương.

### b) Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt nghị luận.
- Lập luận chặt chẽ, có cảm xúc.

### c) Ý nghĩa văn bản

Với một lối văn nghị luận vừa có lí lẽ, vừa có cảm xúc và hình ảnh Hoài Thanh khẳng định : nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha. Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng và sáng tạo ra sự sống, gây những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm không có, luyện những tình cảm sẵn có. Đời sống tinh thần của nhân loại nếu thiếu văn chương thì sẽ rất nghèo nàn.

## 3. Rèn luyện thêm

- Đọc thêm đoạn trích trong SGK trang 68.

---

## Tiết 88 : THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nắm được đặc điểm, công dụng của trạng ngữ; nhận biết trạng ngữ trong câu.
- Biết mở rộng câu bằng cách thêm và câu thành phần trạng ngữ phù hợp.

*Lưu ý:* học sinh đã được học tương đối kĩ về trạng ngữ ở Tiểu học.

### II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

#### 1. Kiến thức:

- Một số trạng ngữ thường gặp.
- Vị trí của trạng ngữ trong câu.

#### 2. Kỹ năng:

- Nhận biết thành phần trạng ngữ của câu.
- Nhận biết các loại trạng ngữ.

### III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

#### 1. Tìm hiểu chung

- Về ý nghĩa, trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc trong câu.

- Về hình thức :

+ Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu.

+ Giữa trạng ngữ và chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.

#### 2. Luyện tập

- Xác định trạng ngữ.

- Đặt câu có sử dụng trạng ngữ.

## PHẦN BÀI TẬP

1. Lối sống giản dị của Bác chính là một tấm gương sáng cho mỗi người chúng ta trong cuộc sống hôm nay. Còn em, em sẽ làm gì để tập sống giản dị như Bác ? (khoảng 5 – 7 câu).

2. Qua bài viết “Ý nghĩa của văn chương” , tác giả Hoài Thanh đã khẳng định ý nghĩa sâu sắc của văn chương đối với đời sống con người. Hãy viết một đoạn văn ngắn (6 – 8 câu) giới thiệu một tác phẩm văn chương có ý nghĩa sâu sắc mà em đã từng đọc.

3.. Xác định trạng ngữ trong các câu sau và cho biết ý nghĩa, công dụng của những trạng ngữ trong các câu sau

1). Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được.

.....  
.....

2) . Trên sập mới kê ở gian giữa, có 1 người quan phụ mẫu uy nghi chễm chệ ngồi.

.....  
...

3) Ngoài kia, tuy mưa gió âm ỉn, dân phu rôi rít, nhưng trong này, xem chừng tĩnh mịch nghiêm trang lắm, trừ quan phụ mẫu ra, mọi người xem ko ai dám to tiếng.

.....

4) Trong khoang thuyền, dàn nhạc gồm đàn tranh, đàn nguyệt, đàn tì bà, nhị, đàn tam.

.....

5) Yên lòng, chú Bọ Ngựa trở lại cảnh hồng.

.....  
6) Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám thành công.  
.....

7) Tại anh, tôi mới bị mẹ mắng.  
.....

8) Để tôn vinh buổi học cuối cùng này, thầy Ha – men đã mặc y phục đẹp như vậy.  
.....

9) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.  
.....

10) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh.  
.....

**4. Với mỗi loại trạng ngữ sau, hãy đặt một câu :**

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn (thường có những từ “ở, nơi, tại, trong, ngoài, giữa, bên, phía,...”)
- Trạng ngữ chỉ thời gian (thường có những từ “lúc, vào, khoảng, khi, ngày, tháng, năm, giờ, phút,...”)
- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân (thường có những từ “bởi, vì, do, ...”)
- Trạng ngữ chỉ mục đích (thường có những từ “để, nhằm, ...”)
- Trạng ngữ chỉ cách thức - phương tiện (thường có những từ “bằng, với, ...”)
- Trạng ngữ chỉ điều kiện (thường có những từ “hễ, nếu, ...”)